TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39A/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2021
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình – Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Chí Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bé Hai;

Bà Lương Thị Kim Vân.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hồ Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 681/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Tr T C, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: xã THT, huyện CL, ĐT.

Bị đơn: chị NTT, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: xã THT, huyện CL, ĐT.

(anh Tr T C *có mặt tại phiên tòa, chị* NTT *vắng mặt không rõ lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn anh Tr T C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T qua thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, và được Ủy ban nhân dân xã THT chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm với nhau, ngoài ra chị T sống không chung thủy với anh C và không chăm sóc con cái trong nhà, ngoài ra anh C còn có mâu thuẫn với gia đình nhà chị T (cha mẹ vợ và anh vợ anh C

dùng dao đâm vào chân anh C), vào năm 2017 thì chị T có làm đơn xin ly hôn với anh C, sau đó anh C có làm đơn xin ly hôn với chị T. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh C yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Tại phiên tòa anh C trình bày anh C và chị T có 05 con chung tên TNH, sinh năm 2006, TNT, sinh năm: 2008, TNH, sinh năm: 2011, TTT, sinh năm: 2012 và TTP, sinh năm: 2016. Hiện tại con chung đang sống chung với anh C. Khi ly hôn anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên hòa giải bị đơn chị NTT trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị NTT thừa nhận lời trình bày của anh C là đúng về thời gian kết hôn, trong thời gian sống chung anh C có đánh chị T và có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không có sống ly thân với nhau. Từ năm 2016 khi chị T sinh TTP thì chị T về sống với cha mẹ ruột của chị T, còn anh C thì về nhà anh C sống và anh C có qua thăm con chung là TTP. Chị T không đồng ý ly hôn với anh C do chị T còn thương anh C và các con của anh C, anh C xin ly hôn với chị T là do anh C có người phụ nữ khác bên ngoài.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung tên TNH, sinh năm 2006, TNT, sinh năm: 2008, TNH, sinh năm: 2011, TTT, sinh năm: 2012 và TTP, sinh năm: 2016. Hiện tại con chung đang sống chung với chị NTT. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên TNH, TNT, TNH, TTT, TTP và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập chị Thao đến lần thứ hai để tham gia phiên xét xử nhưng chị Thao vẫn không có mặt để trình bày ý kiến của mình.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- CMND và sổ hộ khẩu của TTC (bản phô tô);

- Giấy xin xác nhận địa chỉ nơi cư trú ngày 15/12/2020 của TTC (bản chính);

- Trích lục khai sinh của TNH, TNT, TNH, TTT, TTP (bản sao);

- Trích lục kết hôn (bản sao);

- Văn bản ghi ý kiến của TNH, TNT, TNH, TTT (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: TTC yêu cầu ly hôn với chị NTT do đó đây là tranh chấp ly hôn. Chị NTT là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ xã THT, huyện CL, ĐT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của anh TTC về việc yêu cầu được ly hôn với chị NTT và yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con"*.

[3] Về tố tụng: Xét thấy, bị đơn là chị NTT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về hôn nhân, anh C và chị T đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã THT, huyện CL, tỉnh ĐT nên hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm nhau, đến năm 2017 thì vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị T là có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, anh C thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện nay cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không còn quan tâm lẫn nhau và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải chị T cho rằng hiện nay chị vẫn còn thương anh C nên không đồng ý ly hôn nhưng chị T không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh C cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với chị T và cương quyết muốn ly hôn với chị T. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh C yêu cầu được ly hôn với chị T là phù hợp nên chấp nhận. mặt khác anh C và chị T đã 03 lần khởi kiện tại Tòa án và đã được Tòa án động viên hàn gắn nhưng không thành.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung tên TNH, sinh năm 2006, TNT, sinh năm: 2008, TNH, sinh năm: 2011, TTT, sinh năm: 2012 và TTP, sinh năm: 2016. Hiện tại con chung đang sống chung với anh TTC. Tại phiên tòa anh C trình bày khi ly hôn anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung; chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nhưng chị T không đến phiên tòa để trình bày ý kiến và không trình bày được khả năng thu nhập để chăm sóc con chung được phát triển toàn diện; mặt khác anh C trình bày có đủ khả năng để nuôi con chung và con chung có nguyện vọng sống với anh C. Xét thấy, yêu cầu của anh C là phù hợp nên chấp nhận. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không có yêu cầu.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Anh TTC tự nguyện chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh TTC.

- Về hôn nhân: Anh TTC được ly hôn với chị NTT.

- Về con chung: Anh TTC được trực tiếp nuôi con chung tên TNH, sinh năm 2006, TNT, sinh năm: 2008, TNH, sinh năm: 2011, TTT, sinh năm: 2012 và TTP, sinh năm: 2016. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không có yêu cầu.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh TTC phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012084 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Chi cục THA HCL;
- UBND xã Tân Hội Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Chí Tâm